

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 4 – 2019

*“V/v tranh chấp HN&GD - Ly hôn,
nuôi con và chia tài sản chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Văn Đô;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**
2. Ông **Phạm Phước Tâm.**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú H, năm sinh 1975;

Địa chỉ: Tổ 29, khóm Mỹ Phú Đất Liền, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N.E, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 015, ấp 2, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện đề ngày 24/12/2018; biên bản hòa giải ngày 21/3/2019 nguyên đơn ông Nguyễn Phú H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H và bà N.E được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2007 thì vợ chồng cảm thấy không hợp và luôn có khoảng cách với nhau. Mặc dù, cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không thành, nên vợ chồng quyết định sống ly thân từ năm 2007 cho

đến nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai liên lạc với ai, không quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không ai muốn hàn gắn tình cảm. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống với nhau nên ông H yêu cầu ly hôn với bà N.E.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh Như, sinh ngày 02/12/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N.E trình bày:

- Về hôn nhân: Bà N.E thống nhất thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn như lời trình bày của ông H. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung và cả hai thống nhất sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau, ai cũng có cuộc sống riêng của mỗi người và không ai quan tâm đến ai, nên bà N.E đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh Như, sinh ngày 02/12/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

1. Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc Huỳnh Như (Bản sao);
2. Giấy CMND và sổ hộ khẩu tên Nguyễn Phú H (Bản photo);
3. Hộ chiếu tên Nguyễn Thị Tuyết N.E (Bản photo).

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 21/3/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Phú H có đơn yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết N.E. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N.E là người bị kiện có địa chỉ tại số 015, ấp 2, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và điểm

a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ông Nguyễn Phú H và bà Nguyễn Thị Tuyết N.E đã được triệu tập hợp lệ, đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H, bà N.E có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Phú H và bà Nguyễn Thị Tuyết N.E.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Xét thấy ông Nguyễn Phú H và bà Nguyễn Thị Tuyết N.E tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, mặc dù việc sống chung của ông bà đều được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng ông H và bà N.E đã không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Bởi lẽ, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*”; và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....*”. Do ông H và bà N.E không đăng ký kết hôn và không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyễn Phú H và bà Nguyễn Thị Tuyết N.E là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh Như, sinh ngày 02/12/1998. Hiện con chung đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Phú H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006310 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Phú H và bà Nguyễn Thị Tuyết N.E là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Huỳnh Như, sinh ngày 02/12/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Phú H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai số 0006310 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Tòa án tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Văn Đô

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Mai Hương

Phạm Phước Tâm

Trần Văn Đô